

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2023-2024)
LỚP K16A-D4A (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

			Số Đvht :	6	3	5	4	4					
			Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)					
TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	HD	BH	DLN	KETING	KNT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)	
1	16011033	Đinh Thị Vân Anh	02/01/2004	7.9	7.8	7.3	8.0	8.1	7.8	Khá			
2	16011033	Tạ Hồng Anh	15/03/2004	8.2	7.6	7.3	7.9	8.0	7.8	Khá			
3	16011036	Mai Ngọc Anh	27/10/2004	8.0	7.9	7.1	7.9	8.0	7.8	Khá			
4	16011037	Phí Vũ Hà Anh	08/10/1999	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)	
5	16011032	Nguyễn Xuân Bách	01/09/1998	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)	
6	16011038	Sùng Thị Chay	01/06/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)	
7	16011030	Bùi Thị Linh Chi	17/11/2004	7.5	7.5	7.2	7.8	8.0	7.6	Khá			
8	16011032	Nguyễn Linh Chi	12/06/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)	
9	16011035	Trần Linh Chi	01/08/2022	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)	
10	16011036	Lò Thị Kim Chi	18/08/2004	7.8	7.5	7.4	8.0	7.7	7.7	Khá			
11	16011040	Nguyễn Thị Tường Chi	14/10/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)	
12	16011034	Nguyễn Cao Cường	17/05/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)	
13	16011032	Nguyễn Thị Mai Diễm	22/05/2003	0.0	0.0	1.4	0.0	0.0	0.3	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)	
14	16011038	Nguyễn Tiến Dũng	11/08/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)	
15	16011033	Vương Thị Thùy Dương	06/08/1984	8.0	7.7	7.9	8.6	7.9	8.0	Giỏi			
16	16011040	Vũ Văn Hà	02/07/2000	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)	
17	16011018	Nguyễn Mai Hạnh	08/05/2003	7.6	6.9	3.5	8.0	7.2	6.6	T.bình khá		1=20.0%	
18	16011034	Lô Minh Hạnh	18/11/2004	1.8	2.7	1.6	0.0	0.0	1.2	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)	
19	16011033	Thái Thị Hoa	10/02/2004	7.9	7.8	7.1	8.0	7.9	7.7	Khá			

			Số Đvht :	6	3	5	4	4				
			Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)				
TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	HD	BH	DLCN	KT MARKETING	KNT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
20	16011034	Nguyễn Thị Hoài	22/07/1995	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
21	16011032	Nguyễn Minh Hoàng	24/06/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
22	16011039	Đào Duy Hùng	09/11/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
23	16011032	Lưu Thu Huyền	16/11/2004	6.0	6.8	4.7	<u>0.0</u>	6.1	4.7	Yếu		2=40.0%(4:0)
24	16011036	Hoàng Thị Minh Huyền	18/02/2003	7.5	7.5	7.4	7.5	6.5	7.3	Khá		
25	16011023	Bùi Thị Khuyên	19/09/2004	7.3	7.2	7.4	7.9	7.5	7.5	Khá		
26	16011021	Vũ Thị Mai Linh	30/03/2004	7.9	7.0	5.0	<u>2.4</u>	6.0	5.8	Trung bình		1=20.0%(4:0)
27	16011034	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	19/02/2004	8.5	7.8	7.3	8.1	8.0	8.0	Giỏi		
28	16011038	Hoàng Thị Thuỳ Linh	22/07/2004	7.3	<u>2.6</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>1.4</u>	2.6	Yếu		4=80.0%(2:0)(4:0)
29	16011022	Trương Thị Bích Loan	24/09/2004	7.8	7.4	7.6	8.0	8.0	7.8	Khá		
30	16011031	Vũ Yến Mai	24/05/2004	8.0	7.7	<u>4.8</u>	<u>3.2</u>	6.9	6.2	T.bình khá		2=40.0%(4:0)

Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 2 (6.7%), Khá: 9 (30.0%), T.bình khá: 2 (6.7%), Trung bình: 1 (3.3%), Yếu: 16 (53.3%),
Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
TPHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Sơn

Ghi chú:

(1) HD: HÓA DƯỢC
(5) KNT: KN THUỐC

(2) BH: BỆNH HỌC

(3) DLCN: DƯỢC LÝ CHUYÊN NGÀNH

(4) KT&MARKETING DƯỢC : KT VÀ MARKTING